

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 240/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực xây dựng, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều về cơ chế, chính sách phát huy nguồn lực xây dựng, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng theo Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành khoản 2 Điều 9 và Điều 13 Nghị quyết số 250/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù để tạo nguồn lực cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (sau đây gọi là Hệ sinh thái tận dụng các FTA) và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hiệp hội ngành, nghề tham gia vào hoạt động hội nhập quốc tế và Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng.

2. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động hội nhập quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ sinh thái tận dụng các FTA là cơ chế phối hợp kết nối các chủ thể có liên quan đến việc tận dụng các FTA mà Việt Nam đã tham gia. Các chủ thể này bao gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng; các cơ quan quản lý trung ương và địa phương.

2. Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng là quỹ do các Hiệp hội ngành hàng thành lập nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng thương hiệu; hỗ trợ phòng vệ thương mại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường của đối tác nước ngoài.

3. Hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao là hiệp hội ngành hàng có tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của các hội viên trên tổng doanh thu của các hội viên đạt trên 30%.

Chương II

NGUỒN LỰC VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC TRONG HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC FTA

Điều 4. Nguồn lực bảo đảm cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Nguồn lực về tạo thuận lợi và hỗ trợ, phục vụ việc tổ chức và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

2. Nguồn lực tài chính, bao gồm ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng số, các hệ thống, cơ sở vật chất phục vụ đánh giá sự phù hợp, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ doanh nghiệp cảnh báo, tuân thủ các cam kết và quy định trong các FTA và dự báo thị trường.

4. Nguồn nhân lực, bao gồm các cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia và các tổ chức tham gia xây dựng, vận hành và hỗ trợ hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

5. Nguồn lực từ mạng lưới tổ chức trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ, hiệp hội ngành hàng, tổ chức tín dụng, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức tư vấn, và các chủ thể khác tham gia hỗ trợ xây dựng, kết nối và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định của pháp luật.

6. Nhà nước khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực hợp tác công tư, nguồn lực tài trợ, viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để xây dựng, vận hành và phát triển Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

Điều 5. Nguyên tắc chung bảo đảm, quản lý và sử dụng các nguồn lực của Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Việc thiết lập, quản lý và sử dụng các nguồn lực đảm bảo cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và theo lộ trình nhằm nâng cao hiệu quả tận dụng FTA, thúc đẩy xuất khẩu theo hướng giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

2. Nguồn lực được huy động đa dạng từ ngân sách nhà nước, khu vực tư nhân và các nguồn lực quốc tế.

3. Cơ chế tạo thuận lợi và phân loại chủ thể tham gia được áp dụng trên cơ sở quản lý rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật, cơ chế hậu kiểm, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, minh bạch thông tin và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh theo hướng phù hợp với mức độ sẵn sàng và đặc thù ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp; ưu tiên các giải pháp số có tính nền tảng, dùng chung như quản trị số, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, an ninh mạng, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; đồng thời gắn hỗ trợ công nghệ với đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho doanh nghiệp.

4. Việc áp dụng cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ không làm phát sinh ưu đãi thuế, trợ cấp xuất khẩu hoặc các hình thức hỗ trợ khác trái với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Cơ chế tạo thuận lợi và hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, kiểm soát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng nguồn lực. Việc triển khai cơ chế, chính sách phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, phòng ngừa và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, trục lợi chính sách; các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện được phát hiện, xử lý kịp thời theo quy định.

6. Việc áp dụng cơ chế theo Nghị định này phải bảo đảm không trùng lặp với các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không phân biệt đối xử; phù hợp với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế của Việt Nam.

Điều 6. Tiêu chí xác định thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Nhóm tiêu chí xác định thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA bao gồm:

a) Nhóm tiêu chí 1: Tư cách pháp lý và năng lực hoạt động;

b) Nhóm tiêu chí 2: Mức độ liên quan và nhu cầu tận dụng FTA;

- c) Nhóm tiêu chí 3: Mức độ sẵn sàng tham gia, kết nối và tuân thủ.
2. Các tiêu chí cụ thể, tiêu chí bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, hồ sơ, tài liệu minh chứng và thang điểm đánh giá đối với từng nhóm chủ thể quy định tại khoản 1 Điều này được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Bộ Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo phương thức xem xét điều kiện bắt buộc kết hợp với chấm điểm các tiêu chí đánh giá quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Thang điểm đánh giá là 100.
4. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được công nhận là thành viên Hệ sinh thái khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí bắt buộc và đạt mức điểm tối thiểu theo quy định sau đây:
- a) Đối với doanh nghiệp: đạt từ 65 điểm trở lên;
 - b) Đối với hợp tác xã: đạt từ 55 điểm trở lên;
 - c) Đối với hộ kinh doanh: đạt từ 50 điểm trở lên.
5. Hồ sơ đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được thực hiện theo nguyên tắc đơn giản hóa tối đa thành phần hồ sơ, tăng cường tự kê khai, cam kết của chủ thể đăng ký và thực hiện hậu kiểm trong quá trình tham gia Hệ sinh thái.

Điều 7. Tiêu chí lựa chọn thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hưởng hỗ trợ

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã được công nhận là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này được xem xét lựa chọn hưởng hỗ trợ khi đáp ứng các nhóm tiêu chí sau đây:
- a) Nhóm tiêu chí 1: Mức độ cần thiết phải hỗ trợ;
 - b) Nhóm tiêu chí 2: Khả năng hấp thụ và sử dụng hiệu quả hỗ trợ;
 - c) Nhóm tiêu chí 3: Hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng lan tỏa;
 - d) Nhóm tiêu chí 4: Cam kết thực hiện mục tiêu, chế độ báo cáo, hậu kiểm và tuân thủ quy định.
2. Các tiêu chí cụ thể, tiêu chí bắt buộc, tiêu chí chấm điểm, hồ sơ, tài liệu minh chứng và thang điểm đánh giá đối với từng nhóm chủ thể quy định tại khoản 1 Điều này được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức thẩm định, lựa chọn thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA hưởng hỗ trợ theo phương thức xem xét điều kiện bắt buộc kết hợp với chấm điểm các tiêu chí đánh giá quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Thang điểm đánh giá là 100.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ được xác định như sau:

- a) Đối với doanh nghiệp: đạt từ 75 điểm trở lên;
- b) Đối với hợp tác xã: đạt từ 65 điểm trở lên;
- c) Đối với hộ kinh doanh: đạt từ 55 điểm trở lên.

5. Việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện trên cơ sở các căn cứ sau đây:

- a) Kết quả chấm điểm theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Khả năng cân đối ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn lực thực hiện của cơ quan, tổ chức tham gia vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;
- d) Các nguồn lực huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp số lượng thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA đủ điều kiện hưởng hỗ trợ vượt quá khả năng bố trí nguồn lực, việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Thành viên có mức điểm thực tế đạt được cao hơn được ưu tiên lựa chọn trước;
- b) Trường hợp có cùng mức điểm, ưu tiên chủ thể có thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ sớm hơn;
- c) Trường hợp vẫn chưa xác định được thứ tự ưu tiên, ưu tiên thành viên có mức độ đóng góp và khả năng lan tỏa cao hơn cho Hệ sinh thái, bao gồm mức độ liên kết chuỗi, khả năng tạo việc làm, mức độ đóng góp cho chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo hoặc phát triển tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định lựa chọn theo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan theo quy chế quản lý, vận hành của Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

d) Chủ thể đủ điều kiện nhưng chưa được bố trí nguồn lực hỗ trợ được đưa vào danh sách ưu tiên xem xét hỗ trợ trong kỳ tiếp theo khi có nguồn lực phù hợp.

7. Chủ thể được hưởng hỗ trợ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết đã đăng ký; tuân thủ nội quy, quy chế hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA; chấp hành chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và hậu kiểm. Trường hợp vi phạm quy định của Nghị định này thì bị đình chỉ, chấm dứt hưởng hỗ trợ và hoàn trả kinh phí hỗ trợ.

Điều 8. Các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thuộc Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Phân loại nguồn lực hỗ trợ

- a) Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính;
- b) Cơ chế hỗ trợ cải tiến, nâng cao năng lực;
- c) Cơ chế hỗ trợ nguồn nhân lực;
- d) Cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh;
- đ) Cơ chế hỗ trợ kết nối và mở rộng thị trường;
- e) Cơ chế hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng;
- g) Cơ chế hỗ trợ lãi suất.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đồng thời đáp ứng điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định của Nghị định này và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật có liên quan, nguyên tắc áp dụng như sau: Nếu nội dung đề xuất hỗ trợ trùng nhau thì được lựa chọn một hỗ trợ có lợi nhất; nếu nội dung đề xuất hỗ trợ khác nhau thì được áp dụng đồng thời nhiều hỗ trợ. Trong phạm vi các hỗ trợ theo quy định của Nghị định này, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng đồng thời các hỗ trợ theo quy định từ khoản 4 đến khoản 8 Điều 8 Nghị định này nhưng đảm bảo tổng mức hỗ trợ trực tiếp (chưa bao gồm hỗ trợ lãi suất) không vượt quá 600 triệu đồng/năm;

b) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ có trách nhiệm đối chiếu thông tin về các khoản hỗ trợ mà doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng FTA đã, đang được hưởng, xác định phần hỗ trợ theo Nghị định này là phần bổ sung, nâng cao hoặc chuyên biệt gắn với việc tận dụng FTA;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi đề xuất hỗ trợ phải kê khai đầy đủ các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã và đang được hưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp;

d) Việc kiểm soát trùng lặp được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống của cơ quan nhà nước; sử dụng mã số Thành viên của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để theo dõi;

đ) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được tiếp nhận hỗ trợ trong Hệ sinh thái tận dụng các FTA có trách nhiệm cung cấp, lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính

a) Được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về xuất xứ hàng hóa; được ưu tiên xử lý hồ sơ xin cấp chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi theo FTA;

b) Được xem xét việc duy trì tỷ lệ phân luồng xanh ổn định; hạn chế tối đa việc chuyển đổi từ luồng xanh sang kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ trường hợp có dấu hiệu rủi ro rõ ràng; được ưu tiên trong quá trình xử lý hậu kiểm, kiểm tra sau thông quan; được phối hợp liên thông với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành thông qua chia sẻ dữ liệu, sử dụng chung hồ sơ và công nhận kết quả kiểm tra, nhằm giảm thiểu kiểm tra trùng lặp và rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa.

4. Cơ chế hỗ trợ cải tiến, nâng cao năng lực

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn giải pháp cải tiến, nâng cao quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh, tuân thủ tiêu chuẩn thị trường FTA thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA nhưng không quá 200 triệu đồng/các hợp đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê, mua các giải pháp cải tiến, nâng cao quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh, tuân thủ tiêu chuẩn thị trường FTA thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA nhưng không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/năm/hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

c) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn giải pháp hệ thống truy xuất nguồn gốc, xây dựng chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các FTA, đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững của các thị trường FTA thuộc chương trình, kế

hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA nhưng không quá 200 triệu đồng/các hợp đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng thuê, mua các giải pháp hệ thống truy xuất nguồn gốc, xây dựng chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các FTA, đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững của các thị trường FTA thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA nhưng không quá 200 triệu đồng/các hợp đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

đ) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể;

e) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể.

5. Cơ chế hỗ trợ nguồn nhân lực

a) Hỗ trợ 100% chi phí tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước về quản trị, quy trình sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho các chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/các khóa đào tạo/năm/chủ thể;

b) Hỗ trợ 100% chi phí tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước về tuân thủ quy tắc xuất xứ, xây dựng chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các FTA, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho các chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/các khóa đào tạo/năm/chủ thể;

c) Hỗ trợ 100% chi phí tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước về tận dụng FTA, khoa học công nghệ chuyên sâu, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn phát triển bền vững của thị trường FTA thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho các chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng không quá 70 triệu đồng/các khóa đào tạo/năm/chủ thể.

6. Cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

a) Hỗ trợ 100% giá trị các hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị gắn với việc tận dụng các FTA nhưng không quá 50 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể;

b) Hỗ trợ 100% giá trị các hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi giá trị nhưng không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể.

7. Cơ chế hỗ trợ kết nối và mở rộng thị trường

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị các hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/chủ thể và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế;

c) Hỗ trợ 100% giá trị các hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể;

d) Hỗ trợ 100% giá trị các hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể;

đ) Hỗ trợ 100% giá trị các hợp đồng tư vấn mở rộng hoạt động kinh doanh, đấu thầu, đầu tư ở nước ngoài, chuyển giao công nghệ thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 100 triệu đồng/các hợp đồng/năm/chủ thể.

8. Cơ chế hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; chi phí cấp dấu định lượng của hàng hóa đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/chủ thể;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/chủ thể;

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh nhưng không quá 70 triệu đồng/năm/chủ thể.

9. Cơ chế hỗ trợ lãi suất

a) Trong từng thời kỳ, các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hỗ trợ lãi suất khi vay vốn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh thuộc chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA tuân thủ theo các nguyên tắc: Chưa được hưởng các chính sách ưu đãi về lãi suất của Nhà nước trong cùng một giai đoạn; ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất cho chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư. Mỗi chủ thể được hỗ trợ lãi suất đối với 01 phương án, dự án sản xuất - kinh doanh trong cùng một giai đoạn; chủ thể vay vốn được tổ chức tín dụng thẩm định và quyết định cho vay theo quy định của pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng;

b) Trong từng thời kỳ, mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù trực tiếp cho mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA là 02%/năm nhưng không vượt quá 01 tỷ đồng/năm/doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hưởng hỗ trợ lãi suất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp liên quan tới phương án, dự án sản xuất - kinh doanh thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả số tiền được hỗ trợ lãi suất khi vi phạm các quy định về hỗ trợ lãi suất và pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 9. Trình tự, thủ tục công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có nhu cầu trở thành thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các FTA đến Bộ Công Thương.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Phiếu đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để trở thành Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA dưới hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ để xem xét công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

5. Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ Công Thương ban hành quyết định công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA, được khai thác thông tin và tham gia các hoạt động kết nối.

Điều 10. Trình tự, thủ tục phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với các chủ thể là Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã là Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA nộp 01 bộ hồ sơ trước ngày 30 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đó đăng ký kinh doanh để đề xuất hỗ trợ. Hồ sơ đề xuất hỗ trợ bao gồm:

a) Đơn đề xuất hỗ trợ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án đề xuất hỗ trợ theo Mẫu số 05 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA dưới hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận có văn bản hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Căn cứ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định theo quy định tại Nghị định này, đồng thời xem xét khả năng cân đối nguồn lực để quyết định phê duyệt đề xuất hỗ trợ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không phê duyệt trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương. Trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp số lượng Thành viên đủ điều kiện vượt quá khả năng bố trí nguồn lực, việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

6. Sau khi được phê duyệt đề xuất, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA có nhu cầu sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất, gửi văn bản đề xuất theo Mẫu số 07 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đó đăng ký kinh doanh để xem xét. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh đề án hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo Mẫu số 08 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công khai kết quả phê duyệt, danh sách chủ thể được hỗ trợ, nội dung hỗ trợ và kết quả thực hiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nguồn lực tài chính xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Phân loại nguồn lực tài chính

a) Ngân sách nhà nước phù hợp với khả năng cân đối và phân cấp ngân sách hiện hành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Nguồn huy động từ khu vực tư nhân trong nước, trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Nguồn hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ của tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ;

d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc phân bổ nguồn lực tài chính

a) Việc phân bổ nguồn lực được gắn với kết quả đầu ra, bao gồm nâng cao hiệu quả tận dụng các FTA, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước và thúc đẩy phát triển bền vững;

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hoạt động có tác động lan tỏa theo ngành hàng hoặc chuỗi giá trị;

c) Nguồn ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương chỉ đóng vai trò vốn môi, nguồn lực huy động từ doanh nghiệp và khu vực tư nhân giữ vai trò quyết định, nhằm bảo đảm tính bền vững và khả năng triển khai thực chất của Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

3. Cơ chế đối với nguồn ngân sách nhà nước

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA được Bộ Tài chính bố trí hàng năm cho Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Nội dung chi bao gồm: Thực hiện khảo sát, thu thập dữ liệu, tổng hợp; phân tích, đánh giá và báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình tận dụng FTA; tư vấn chuyên sâu, đào tạo, tập huấn phục vụ hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA; nghiên cứu, phát triển hệ thống, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA; truyền thông, quảng bá thúc đẩy việc tham gia và vận hành hiệu quả Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Kinh phí để thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA trên địa bàn được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Nội dung chi bao gồm: Kinh phí thực hiện các cơ chế, biện pháp hỗ trợ thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

4. Cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực từ khu vực tư nhân trong nước

a) Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hiệp hội ngành hàng, tổ chức tín dụng và các tổ chức có liên quan tham gia đồng tài trợ hoặc đóng góp tự nguyện cho các hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Việc đồng tài trợ được thực hiện theo dự án, nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể, trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan đến việc vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA, đảm bảo công khai, minh bạch;

c) Các khoản đóng góp tự nguyện được tiếp nhận, quản lý và hạch toán riêng tại đơn vị được giao vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

d) Việc đóng góp tự nguyện không phải là điều kiện, tiêu chí hoặc căn cứ để xem xét áp dụng cơ chế tạo thuận lợi hoặc các hình thức hỗ trợ khác theo Nghị định này.

Điều 12. Tạm đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA; đình chỉ hưởng cơ chế hỗ trợ và thu hồi kinh phí hỗ trợ

1. Thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA bị tạm đình chỉ tư cách thành viên, chấm dứt tư cách thành viên, đình chỉ hưởng cơ chế hỗ trợ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã được cấp, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu không trung thực trong quá trình đăng ký tham gia Hệ sinh thái hoặc đề nghị hưởng cơ chế hỗ trợ;

b) Sử dụng kinh phí, nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích, không đúng nội dung đã được phê duyệt hoặc để trục lợi chính sách;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết đã đăng ký khi tham gia Hệ sinh thái hoặc khi đề nghị hưởng cơ chế hỗ trợ mà không có lý do chính đáng;

d) Không chấp hành chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định sau khi đã được nhắc nhở bằng văn bản;

đ) Vi phạm nội quy, quy chế hoạt động của Hệ sinh thái gây ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả vận hành hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên khác;

e) Bị xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư, thuế, môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ, gian lận thương mại, xuất xứ hàng hóa hoặc lĩnh vực pháp luật khác có liên quan mà mức độ vi phạm ảnh hưởng đến điều kiện trở thành Thành viên Hệ sinh thái hoặc điều kiện hưởng cơ chế hỗ trợ;

g) Ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoặc không còn đáp ứng tiêu chí bắt buộc theo quy định tại Nghị định này;

h) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

2. Biện pháp xử lý

a) Nhắc nhở và yêu cầu khắc phục trong thời hạn nhất định đối với vi phạm lần đầu, vi phạm ít nghiêm trọng;

b) Tạm đình chỉ tư cách Thành viên Hệ sinh thái hoặc tạm đình chỉ hưởng cơ chế hỗ trợ trong thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng đối với vi phạm nghiêm trọng hoặc tái phạm;

c) Chấm dứt tư cách Thành viên Hệ sinh thái, chấm dứt hưởng cơ chế hỗ trợ và thu hồi một phần hoặc toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã cấp đối với vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, vi phạm cố ý hoặc hành vi gian lận, trục lợi chính sách.

3. Việc thu hồi kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Thu hồi toàn bộ đối với khoản hỗ trợ sử dụng sai mục đích, sử dụng trên cơ sở hồ sơ gian dối hoặc hành vi trục lợi chính sách;

b) Thu hồi một phần tương ứng với phần kinh phí sử dụng không đúng mục đích hoặc phần nội dung hỗ trợ không thực hiện;

c) Trường hợp chậm hoàn trả kinh phí hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền xử lý

a) Bộ Công Thương ban hành quyết định tạm đình chỉ hoặc chấm dứt tư cách Thành viên Hệ sinh thái theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng cơ chế hỗ trợ và ban hành quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trường hợp vi phạm liên quan đồng thời đến tư cách Thành viên Hệ sinh thái và cơ chế hỗ trợ, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

5. Trước khi quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho chủ thể vi phạm biết hành vi vi phạm, căn cứ xử lý và thời hạn giải trình hoặc khắc phục, trừ trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu gian lận nghiêm trọng, trực lợi chính sách hoặc cần áp dụng biện pháp ngăn chặn khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Chủ thể bị chấm dứt tư cách Thành viên Hệ sinh thái chỉ được xem xét đăng ký lại sau thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định chấm dứt có hiệu lực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Nguồn nhân lực phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các FTA

1. Phân loại

a) Nhân sự thuộc các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ liên quan đến việc xây dựng, quản lý và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn trong và ngoài nước được huy động thông qua cơ chế hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc cụ thể quản lý và sử dụng nguồn nhân lực

a) Bảo đảm hiệu quả trong việc lựa chọn, huy động và sử dụng chuyên gia, gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện nhiệm vụ, làm căn cứ đánh giá, thanh toán và tiếp tục hợp tác;

b) Ưu tiên phát triển và huy động đội ngũ chuyên gia có năng lực chuyên môn cao trong các lĩnh vực liên quan đến các FTA.

3. Cơ chế đối với nhân sự thuộc cơ quan nhà nước

a) Bộ Công Thương, các bộ ngành, các tỉnh, thành phố được giao tham gia xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ điều phối, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Việc phân công và sử dụng nhân sự được thực hiện linh hoạt theo nhiệm vụ, dự án hoặc nhiệm vụ, nhằm bảo đảm hiệu quả chuyên môn và tính kịp thời trong hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

4. Cơ chế huy động chuyên gia và tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên môn

a) Được thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên môn trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động tư vấn chuyên sâu, đào tạo, nghiên cứu, phát triển hệ thống và hỗ trợ doanh nghiệp phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Việc ký kết hợp đồng và xác định mức thù lao, chi phí thực hiện được căn cứ vào yêu cầu chuyên môn, chất lượng dịch vụ và mặt bằng giá thị trường theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chi phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn lực tài chính quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

d) Bộ Công Thương công khai về các chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA, bao gồm việc hướng dẫn tư vấn chuyên sâu, đào tạo, nghiên cứu, phát triển hệ thống và hỗ trợ doanh nghiệp cần huy động chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp để phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

Điều 14. Nguồn lực về thông tin, dữ liệu, hạ tầng số và các hệ thống, cơ sở vật chất đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ quy định trong các FTA

1. Phân loại

a) Cơ sở dữ liệu về cam kết trong các FTA, quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, rào cản thương mại và các thông tin có liên quan;

b) Nền tảng số và các công cụ điện tử hỗ trợ doanh nghiệp tra cứu, tự đánh giá và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tận dụng FTA;

c) Hạ tầng số phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các FTA gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước (hải quan, thuế, quản lý thị trường, tiêu chuẩn đo lường chất lượng) cũng như các tổ chức có liên quan; hạ tầng xác thực điện tử phục vụ tự động hóa thủ tục hành chính; hệ thống phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ cảnh báo, tuân thủ các cam kết, quy định của thị trường và dự báo thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Hệ thống, phòng thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp phục vụ việc đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng

a) Bảo đảm hiệu quả trong việc lựa chọn, xây dựng, kết nối thông tin, dữ liệu, hạ tầng công nghệ và các hệ thống, cơ sở vật chất đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Gắn phát triển hạ tầng số với mục tiêu rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

3. Cơ chế bảo đảm và triển khai

a) Nhà nước bảo đảm đầu tư, duy trì và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu tích hợp về các FTA, theo hướng đồng bộ, liên thông, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng;

b) Việc tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu điện tử giữa các hệ thống hải quan, thuế và cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện nhằm phục vụ quản lý rủi ro và hỗ trợ doanh nghiệp;

c) Thực hiện phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu cho cơ quan đầu mối của các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố phù hợp với chức năng và nhiệm vụ để đảm bảo tính chủ động và kịp thời trong việc hỗ trợ;

d) Áp dụng nguyên tắc hạn chế yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; thực hiện tự động đối chiếu và xác nhận dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III **QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG**

Điều 15. Chính sách của nhà nước đối với Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng

1. Các Hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này được thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng (sau đây gọi tắt là Quỹ). Nhà nước khuyến khích các Hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao thành lập Quỹ, tạo điều kiện để Quỹ tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Quỹ.

2. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức vào Quỹ được áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 16. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận kinh phí và quản lý Quỹ

a) Tiếp nhận kinh phí từ các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Quản lý Quỹ theo thỏa thuận với bên đóng góp, theo quy định về đầu tư, tài trợ, hỗ trợ và quy chế quản lý tài chính của Quỹ.

2. Triển khai hoạt động của Quỹ

a) Công bố định hướng ưu tiên, yêu cầu, nội dung và hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ đầu tư, tài trợ, hỗ trợ;

b) Huy động, điều phối Quỹ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội để triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng thương hiệu; hỗ trợ phòng vệ thương mại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường của đối tác nước ngoài;

c) Kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng chuyên môn và hiệu quả sử dụng kinh phí.

Điều 17. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ đầu tư, tài trợ, hỗ trợ của Quỹ phù hợp với mục tiêu, định hướng, quy định của pháp luật.
2. Được ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, thuê tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân khác để thực hiện hoạt động của Quỹ.
3. Được điều chỉnh nội dung, tạm dừng, đình chỉ hoặc chấm dứt đầu tư, tài trợ, hỗ trợ trong trường hợp phát hiện vi phạm.
4. Được từ chối đầu tư, tài trợ, hỗ trợ nếu không đáp ứng yêu cầu, vi phạm tiêu chí, điều kiện theo quy định và thông báo của Quỹ.
5. Được tổ chức kiểm tra việc tuân thủ điều kiện, quy định, quy trình và việc sử dụng kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân do Quỹ đầu tư, tài trợ, hỗ trợ kể từ thời điểm đề xuất nhiệm vụ. Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra theo yêu cầu của Quỹ.
6. Ban hành quy định để quản lý và thực hiện các hoạt động theo chức năng của Quỹ.
7. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật; được sử dụng nguồn vốn nhân rồi để gửi tại ngân hàng thương mại.
8. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nguồn hình thành Quỹ

1. Nguồn đóng góp của các hội viên trong Hiệp hội ngành hàng. Mức và thời hạn đóng góp cụ thể do Hiệp hội ngành hàng thống nhất quy định.
2. Tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
3. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 19. Thành lập Quỹ

1. Khi có nhu cầu thành lập Quỹ cho ngành hàng của mình, Hiệp hội ngành hàng nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thành lập Quỹ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Nghị quyết của Hiệp hội về việc thành lập Quỹ;

c) Điều lệ hoạt động của Quỹ (tối thiểu gồm các nội dung về: tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, phạm vi, nội dung hoạt động; cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo).

2. Hiệp hội ngành hàng nộp hồ sơ đề nghị thành lập Quỹ qua một trong các cách thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;
- c) Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này ban hành Quyết định thành lập Quỹ theo Mẫu số 12 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản điện tử Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động của Quỹ tới cơ quan quản lý nhà nước về ngành hàng của hiệp hội và Bộ Công Thương. Trường hợp không cho phép thành lập phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại và hoạt động theo mô hình do Hiệp hội ngành hàng quyết định.

5. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ do Hiệp hội ngành hàng quy định cụ thể tại điều lệ hoạt động của Quỹ.

6. Trong quá trình hoạt động, trước khi thực hiện thay đổi nội dung của Quyết định thành lập, Quỹ gửi văn bản đề nghị sửa đổi theo Mẫu số 11 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này qua một trong các cách thức được quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này ban hành Quyết định sửa đổi theo Mẫu số 12 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản điện tử Quyết định sửa đổi tới Bộ Công Thương.

Điều 20. Chấm dứt hoạt động và thu hồi Quyết định thành lập Quỹ

1. Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a) Theo đề nghị của Hiệp hội ngành hàng và được cơ quan ban hành Quyết định chấp thuận;
- b) Bị thu hồi Quyết định thành lập Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp bị thu hồi Quyết định thành lập Quỹ:

- a) Khi Hiệp hội ngành hàng chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan ban hành Quyết định thành lập;
- c) Không hoạt động đúng chức năng của Quỹ theo Điều lệ và theo quy định của pháp luật;
- d) Không duy trì được tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của các hội viên trên tổng doanh thu của các hội viên đạt trên 30% trong 02 năm liên tiếp;
- đ) Vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Chậm nhất 45 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Hiệp hội phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến các chủ nợ, người lao động, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo này phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Quỹ, phải niêm yết công khai tại trụ sở của Quỹ, trụ sở của Hiệp hội và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, chậm nhất 40 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của Quỹ, Hiệp hội ngành hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Quỹ qua một trong các cách thức được quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động Quỹ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Báo cáo về việc xử lý tài sản, tài chính quỹ; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, bao gồm việc thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (nếu có);
- c) Các tài liệu chứng minh việc thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với Nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.
- d) Tài liệu chứng minh đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở của Hiệp hội, trụ sở của Quỹ và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Quỹ.

5. Trường hợp chấm dứt hoạt động Quỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, sau 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động của Quỹ mà không nhận được bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện của các

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này chấp thuận việc chấm dứt hoạt động của Quỹ theo Mẫu số 14 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo tới Bộ Công Thương trong vòng 07 ngày làm việc.

6. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bị thu hồi Quyết định thành lập Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hiệp hội ngành hàng, Quỹ có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Quỹ bị thu hồi Quyết định thành lập, không được phân chia tài sản của Quỹ. Việc bán, thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Quỹ được thanh toán theo nguyên tắc, thứ tự sau:

- a) Chi phí giải thể Quỹ;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế và các khoản phải trả khác.
9. Đối với tài sản, tài chính tự có của Quỹ và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ còn lại (nếu có) thì nộp vào ngân sách nhà nước tại địa phương của cơ quan ban hành Quyết định thành lập Quỹ.

Điều 21. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về Quỹ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hiệp hội ngành hàng đặt trụ sở có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập, sửa đổi nội dung quyết định thành lập và chấm dứt hoạt động Quỹ.

Điều 22. Báo cáo hoạt động

1. Định kỳ hàng năm, trước ngày làm việc cuối cùng của tháng 01 năm kế tiếp, Quỹ phải gửi báo cáo bằng văn bản theo Mẫu số 15 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này về hoạt động trong năm của mình tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành hàng của hiệp hội và Bộ Công Thương.

2. Quỹ phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ báo cáo thống kê theo các quy định của pháp luật.

3. Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về ngành hàng của hiệp hội và các cơ quan nhà nước khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì tổ chức, thực hiện, xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA; công khai chương trình, kế hoạch và hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA; hàng năm tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí để xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chỉ đúng chế độ, chính sách, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký và quyết định công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định của Nghị định này;

c) Xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA và nền tảng số phục vụ chia sẻ thông tin, hỗ trợ tra cứu cam kết FTA, kết nối chuỗi giá trị, kết nối thị trường và hỗ trợ hoạt động của Thành viên Hệ sinh thái;

d) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Hệ sinh thái tận dụng các FTA tại các bộ, ngành, địa phương;

đ) Hàng năm, tổng hợp, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ sinh thái tận dụng các FTA, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

e) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các ngành và bảo mật thông tin trong việc bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp khi thực hiện kết nối dữ liệu và tối ưu hóa quy trình cắt giảm thủ tục hành chính thông qua chuyển đổi số, phục vụ việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

b) Chủ trì xây dựng cơ chế nhằm công nhận và chia sẻ, hợp tác phát triển cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với các kết quả nghiên cứu và hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương về chuyên môn, chịu trách nhiệm trong việc đánh giá chuyên ngành trong quá trình xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

d) Phối hợp với Hiệp hội ngành hàng trong việc triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng đảm bảo hiệu quả, đồng bộ với các hoạt động của Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, Chương trình cấp quốc gia về xây dựng và phát triển thương hiệu.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc tổ chức, điều phối việc triển khai các cơ chế bảo đảm và phân bổ nguồn lực phục vụ Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định của Nghị định này;

c) Bố trí kinh phí đảm bảo cho việc thực hiện các nhiệm vụ không trùng với nhiệm vụ của cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA; bố trí kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA cho đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ này tại địa phương; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; chịu trách nhiệm chỉ đạo đơn vị được phân bổ kinh phí thực hiện chi đúng chế độ, chính sách, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi, đánh giá mức độ tận dụng FTA tại địa phương; báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm về tình hình triển khai, quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành việc sử dụng các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

e) Quản lý, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng trên địa bàn; chậm nhất ngày 15 tháng 02 hàng năm, báo cáo tình hình quản lý Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng cho Bộ Công Thương theo Mẫu số 16 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). *12*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc



Phụ lục I

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC FTA

(Kèm theo Nghị định số 240/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG TIÊU CHÍ

Nguyên tắc áp dụng tiêu chí bắt buộc:

1. Các tiêu chí được xác định là “bắt buộc” là điều kiện tiên quyết để xem xét công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA.
2. Chủ thể không đáp ứng bất kỳ tiêu chí bắt buộc nào quy định tại Phụ lục này thì không được xem xét chấm điểm các tiêu chí còn lại và bị loại khỏi danh sách thẩm định.
3. Việc xác định tiêu chí bắt buộc được thực hiện trên cơ sở thông tin kê khai tại Mẫu số 01 và hồ sơ, tài liệu minh chứng (nếu có), kết hợp với dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.

II. TIÊU CHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ

1. Tiêu chí dành cho doanh nghiệp

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
1	Tư cách pháp lý và năng lực hoạt động				30
1.1	Tư cách pháp lý hợp lệ	Bắt buộc, chấm điểm	Có đăng ký doanh nghiệp hợp pháp còn hiệu lực	Khai mã số doanh nghiệp theo Mẫu số 01.	6
1.2	Có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế	Bắt buộc, chấm điểm	Có phát sinh doanh thu, hợp đồng, hóa đơn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế trong 12 tháng gần nhất.	(i) Kê khai theo Mẫu số 01; (ii) Nộp 01 trong các tài liệu: hóa đơn bán hàng, hợp đồng, tờ khai hải quan, báo cáo tài chính, sao kê ngân hàng, hoặc tài liệu tương đương.	6
1.3	Có năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng	Bắt buộc, chấm điểm	Có nhà máy/xưởng sản xuất, chế biến hoặc hệ thống cung ứng phục vụ xuất khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị.	(i) Kê khai theo mẫu số Mẫu số 01; (ii) Nộp tối thiểu 01 tài liệu: hợp đồng xuất khẩu/tờ khai hải quan; hợp đồng thuê nhà máy/xưởng sản xuất; danh mục thiết bị; chứng nhận ISO/HACCP/VietGAP...; hợp đồng cung ứng; xác nhận của đối tác xuất khẩu.	10

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
1.4	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý cơ bản	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ pháp lý cơ bản khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký	i) Kê khai theo Mẫu số 01; (ii) Cơ quan thẩm định ưu tiên tra cứu dữ liệu cơ quan thuế/BHXH; (iii) Trường hợp cần thiết yêu cầu 01 trong các tài liệu: xác nhận không nợ thuế/BHXH, hoặc tài liệu tương đương.	8
2	Mức độ liên quan và nhu cầu tận dụng FTA				30
2.1	Có sản phẩm hoặc dịch vụ có tiềm năng tận dụng FTA	Chấm điểm	Có sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng hưởng lợi từ các FTA hoặc tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp thêm: catalogue sản phẩm, hợp đồng xuất khẩu, tờ khai hải quan, đơn hàng, thư quan tâm của đối tác hoặc tài liệu tương đương.	10
2.2	Có nhu cầu mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả tận dụng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu mở rộng thị trường và muốn nâng cao hiệu quả tận dụng FTA	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp kế hoạch kinh doanh, danh sách thị trường mục tiêu, trao đổi với đối tác hoặc tài liệu tương đương.	7
2.3	Có nhu cầu nâng cao năng lực đáp ứng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu nâng cao năng lực về tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh hoặc đáp ứng quy định thị trường FTA	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp chứng nhận, kế hoạch nâng cấp, hồ sơ kỹ thuật hoặc tài liệu liên quan.	5
2.4	Có khả năng tham gia hoặc mở rộng liên kết chuỗi giá trị	Chấm điểm	Có khả năng liên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc chủ thể khác trong chuỗi cung ứng.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp hợp đồng, biên bản ghi nhớ, xác nhận đối tác hoặc tài liệu tương đương.	8

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
3	Mức độ sẵn sàng tham gia, kết nối và tuân thủ				40
3.1	Sẵn sàng cung cấp thông tin phục vụ Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết cập nhật thông tin về hoạt động, sản phẩm, năng lực và nhu cầu hỗ trợ theo yêu cầu của Hệ sinh thái.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01.	8
3.2	Sẵn sàng tham gia các hoạt động của Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết tham gia các hoạt động đào tạo, xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, diễn đàn doanh nghiệp khi phù hợp.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp minh chứng đã từng tham gia các chương trình tương tự.	8
3.3	Sẵn sàng hợp tác và liên kết với các thành viên khác	Chấm điểm	Có thiện chí hợp tác, chia sẻ thông tin, tham gia liên kết sản xuất, cung ứng hoặc tiêu thụ với các chủ thể trong Hệ sinh thái.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp hợp đồng, Biên bản ghi nhớ (MOU), xác nhận đối tác hoặc tài liệu tương đương.	8
3.4	Cam kết tuân thủ quy chế và pháp luật	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết tuân thủ quy chế Hệ sinh thái, không gian lận thương mại, không gian lận xuất xứ, không trục lợi chính sách và tuân thủ pháp luật liên quan.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8
3.5	Cam kết kiểm tra, giám sát và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết phối hợp kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8

2. Tiêu chí dành cho hợp tác xã

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
1	Tư cách pháp lý và năng lực hoạt động				30
1.1	Tư cách pháp lý hợp lệ	Bắt buộc, chấm điểm	Có đăng ký hợp tác xã hợp pháp, còn hiệu lực theo quy định của pháp luật.	Khai mã số hợp tác xã tại Mẫu số 01.	6
1.2	Có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế	Bắt buộc, chấm điểm	Có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ phát sinh trong 12 tháng gần nhất.	(i) Kê khai theo Mẫu số 01; (ii) Nộp 01 trong các tài liệu: hóa đơn bán hàng, hợp đồng, tờ khai hải quan, báo cáo tài chính, sao kê ngân hàng, hoặc tài liệu tương đương.	6
1.3	Có năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng	Bắt buộc, chấm điểm	Có vùng nguyên liệu, tổ chức thành viên hoặc năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng phục vụ xuất khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01 và cung cấp tối thiểu 01 tài liệu: hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp; xác nhận của doanh nghiệp thu mua; danh sách thành viên, vùng nguyên liệu; chứng nhận VietGAP, GlobalGAP hoặc tương đương.	10
1.4	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý cơ bản	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ pháp lý cơ bản khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký.	(i) Kê khai theo Mẫu số 01; (ii) Cơ quan thẩm định ưu tiên tra cứu dữ liệu cơ quan thuế/BHXH; (iii) Trường hợp cần thiết yêu cầu 01 trong các tài liệu: xác nhận không nợ thuế/BHXH, hoặc tài liệu tương đương.	8
2	Mức độ liên quan và nhu cầu tận dụng FTA				30
2.1	Có sản phẩm hoặc dịch vụ có tiềm năng tận dụng FTA	Chấm điểm	Có sản phẩm nông sản, hàng hóa hoặc dịch vụ có khả năng tham gia xuất khẩu hoặc cung ứng cho chuỗi giá trị xuất khẩu theo các FTA.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp thêm: hợp đồng tiêu thụ, tài liệu sản phẩm, chứng nhận chất lượng hoặc tài liệu tương đương.	10

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
2.2	Có nhu cầu mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả tận dụng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu mở rộng thị trường và muốn nâng cao hiệu quả tận dụng FTA.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp kế hoạch tiêu thụ, thông tin thị trường mục tiêu, trao đổi với đối tác hoặc tài liệu tương đương.	7
2.3	Có nhu cầu nâng cao năng lực đáp ứng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, tổ chức sản xuất, đáp ứng yêu cầu thị trường FTA.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp chứng nhận chất lượng, kế hoạch nâng cấp sản xuất hoặc tài liệu tương đương.	5
2.4	Có khả năng tham gia hoặc mở rộng liên kết chuỗi giá trị	Chấm điểm	Có khả năng liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã khác trong chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp hợp đồng liên kết, biên bản ghi nhớ, xác nhận đối tác hoặc tài liệu tương đương.	8
3	Mức độ sẵn sàng tham gia, kết nối và tuân thủ				40
3.1	Sẵn sàng cung cấp thông tin phục vụ Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết cập nhật thông tin về hoạt động, sản phẩm, năng lực và nhu cầu hỗ trợ theo yêu cầu của Hệ sinh thái.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01.	8
3.2	Sẵn sàng tham gia các hoạt động của Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết tham gia các hoạt động đào tạo, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, diễn đàn doanh nghiệp khi phù hợp.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp minh chứng đã từng tham gia các chương trình tương tự.	8
3.3	Sẵn sàng hợp tác và liên kết với các thành viên khác	Chấm điểm	Có thiện chí hợp tác, chia sẻ thông tin, tham gia liên kết sản xuất, cung ứng hoặc tiêu thụ với các chủ thể trong Hệ sinh thái.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp hợp đồng, Biên bản ghi nhớ (MOU), xác nhận đối tác hoặc tài liệu tương đương.	8
3.4	Cam kết tuân thủ quy chế và pháp luật	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết tuân thủ quy chế Hệ sinh thái, không gian lận thương mại, không gian lận xuất xứ, không trục lợi chính sách và tuân thủ pháp luật liên quan.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Tài liệu chứng minh	Điểm
3.5	Cam kết kiểm tra, giám sát và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết phối hợp kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8

3. Tiêu chí dành cho hộ kinh doanh

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
1	Tư cách pháp lý và năng lực hoạt động				30
1.1	Tư cách pháp lý hợp lệ	Bắt buộc, chấm điểm	Có đăng ký hộ kinh doanh hoặc được chính quyền địa phương xác nhận hoạt động hợp pháp.	Khai thông tin tại Mẫu số 01; cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc xác nhận của UBND cấp xã/phường (nếu không có đăng ký).	6
1.2	Có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế	Bắt buộc, chấm điểm	Có hoạt động sản xuất, kinh doanh phát sinh trong thời gian gần nhất.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01 và cung cấp tối thiểu 01 tài liệu: đơn hàng, chứng từ bán hàng, xác nhận của khách hàng hoặc tài liệu tương đương.	6
1.3	Có năng lực tổ chức sản xuất, cung ứng	Bắt buộc, chấm điểm	Có khả năng sản xuất, cung ứng sản phẩm hoặc tham gia chuỗi cung ứng với doanh nghiệp, hợp tác xã.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01 và cung cấp tối thiểu 01 tài liệu: đơn hàng, xác nhận của doanh nghiệp/hợp tác xã, tài liệu chứng minh giao dịch.	10
1.4	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý cơ bản	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định (nếu thuộc diện phải thực hiện).	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp biên lai nộp thuế hoặc xác nhận của cơ quan thuế/địa phương.	8
2	Mức độ tham gia chuỗi giá trị tận dụng FTA				30
2.1	Có sản phẩm hoặc dịch vụ có tiềm năng tận dụng FTA	Chấm điểm	Có sản phẩm có khả năng tham gia chuỗi cung ứng xuất khẩu	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01; nếu có, cung cấp tài liệu về sản phẩm hoặc đơn hàng.	10

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
			hoặc cung cấp cho doanh nghiệp xuất khẩu.		
2.2	Có nhu cầu mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả tận dụng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu mở rộng thị trường và muốn nâng cao hiệu quả tận dụng FTA thông qua doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thị trường mới.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01.	7
2.3	Có nhu cầu nâng cao năng lực đáp ứng FTA	Chấm điểm	Có nhu cầu cải thiện chất lượng sản phẩm, bao bì, tiêu chuẩn.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01.	5
2.4	Có khả năng tham gia hoặc mở rộng liên kết chuỗi giá trị	Chấm điểm	Có khả năng tham gia liên kết với doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.	Thông tin kê khai tại Mẫu số 01.	8
3	Mức độ sẵn sàng tham gia, kết nối và tuân thủ				40
3.1	Sẵn sàng cung cấp thông tin phục vụ Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết cập nhật thông tin về hoạt động và nhu cầu hỗ trợ.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01.	8
3.2	Sẵn sàng tham gia các hoạt động của Hệ sinh thái	Chấm điểm	Cam kết tham gia các hoạt động đào tạo, xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, diễn đàn doanh nghiệp khi phù hợp.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01.	8
3.3	Sẵn sàng hợp tác và liên kết với các thành viên khác	Chấm điểm	Có thiện chí hợp tác, chia sẻ thông tin, tham gia liên kết sản xuất, cung ứng hoặc tiêu thụ với các chủ thể trong Hệ sinh thái.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01.	8
3.4	Cam kết tuân thủ quy chế và pháp luật	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết tuân thủ quy chế Hệ sinh thái, không gian lận thương mại, không gian lận xuất xứ, không	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
			trục lợi chính sách và tuân thủ pháp luật liên quan.		
3.5	Cam kết kiểm tra, giám sát và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Cam kết phối hợp kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai.	Nội dung cam kết tại Mẫu số 01 (phần cam kết).	8



Phụ lục II
TIÊU CHÍ LỰA CHỌN THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC FTA ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 240/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG TIÊU CHÍ

Nguyên tắc áp dụng tiêu chí bắt buộc:

1. Các tiêu chí được xác định là “bắt buộc” là điều kiện tiên quyết để xem xét lựa chọn thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA được hưởng hỗ trợ.
2. Chủ thể không đáp ứng bất kỳ tiêu chí bắt buộc nào quy định tại Phụ lục này thì không được xem xét chấm điểm các tiêu chí còn lại và bị loại khỏi danh sách thẩm định.
3. Việc xác định tiêu chí bắt buộc được thực hiện trên cơ sở thông tin kê khai tại Mẫu số 04 và Mẫu số 05 và hồ sơ, tài liệu minh chứng (nếu có), kết hợp với dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý.

II. TIÊU CHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ

1. Tiêu chí dành cho doanh nghiệp

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
1	Mức độ cần thiết phải hỗ trợ				20
1.1	Có đề xuất hỗ trợ cụ thể	Bắt buộc, chấm điểm	Có đề xuất hỗ trợ rõ ràng về nội dung, mục tiêu, phạm vi.	Hồ sơ đề xuất theo Mẫu số 05; thuyết minh nội dung đề xuất hỗ trợ	5
1.2	Có tồn tại khó khăn, vướng mắc thực tế	Chấm điểm	Có khó khăn cụ thể trong việc tận dụng FTA (tiêu chuẩn, thị trường, chi phí, quy định...)	Nêu rõ trong Mẫu số 05; Báo cáo mô tả khó khăn tại hồ sơ đề xuất; nếu có, kèm tài liệu chứng minh (thư từ chối, yêu cầu kỹ thuật, chi phí phát sinh...)	5

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
1.3	Mức độ phù hợp với mục tiêu FTA	Chấm điểm	Nội dung đề xuất gắn với tận dụng FTA, nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị...	Thuyết minh theo Mẫu số 05; Thuyết minh tại hồ sơ đề xuất	5
1.4	Tính cấp thiết	Chấm điểm	Nhu cầu hỗ trợ cần thiết trong kỳ kế hoạch	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2	Khả năng hấp thụ và triển khai				20
2.1	Có kế hoạch triển khai rõ ràng	Bắt buộc, chấm điểm	Có kế hoạch thực hiện cụ thể, có lộ trình và đầu việc rõ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.2	Có nhân sự và bộ phận triển khai	Chấm điểm	Có nhân sự hoặc bộ phận phụ trách triển khai	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.3	Có khả năng bảo đảm nguồn lực đối ứng	Chấm điểm	Có nguồn lực tài chính hoặc nguồn lực khác để cùng thực hiện	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.4	Có khả năng duy trì kết quả	Chấm điểm	Có khả năng duy trì hiệu quả sau khi kết thúc hỗ trợ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3	Hiệu quả về kinh tế - xã hội				30
3.1	Hiệu quả doanh thu	Chấm điểm	Có hiệu quả về kết quả kinh doanh, mở rộng thị trường	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
3.2	Hiệu quả giá trị gia tăng	Chấm điểm	Tăng giá trị sản phẩm, nâng cao chất lượng, thương hiệu	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.3	Hiệu quả tạo việc làm và thu nhập	Chấm điểm	Tạo thêm việc làm hoặc tăng thu nhập	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3.4	Hiệu quả tăng cường liên kết chuỗi	Chấm điểm	Tăng liên kết với doanh nghiệp/hợp tác xã khác	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.5	Khả năng lan tỏa	Chấm điểm	Có khả năng nhân rộng, áp dụng cho chủ thể khác	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
4	Cam kết thực hiện, báo cáo và tuân thủ				30
4.1	Cam kết kết quả (KPI)	Chấm điểm	Có cam kết cụ thể về đầu ra, kết quả	Thuyết minh theo Mẫu số 05	10
4.2	Cam kết sử dụng đúng mục đích	Bắt buộc, chấm điểm	Sử dụng hỗ trợ đúng nội dung	Thuyết minh theo Mẫu số 05	8
4.3	Cam kết báo cáo và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện báo cáo, kiểm tra	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7
4.4	Cam kết hoàn trả khi vi phạm	Bắt buộc, chấm điểm	Hoàn trả nếu sai phạm	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5

2. Tiêu chí dành cho hợp tác xã

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
1	Mức độ cần thiết phải hỗ trợ				20
1.1	Có đề xuất hỗ trợ cụ thể	Bắt buộc, chấm điểm	Có đề xuất hỗ trợ rõ ràng về nội dung, mục tiêu, phạm vi phù hợp với hoạt động của hợp tác xã	Hồ sơ đề xuất theo Mẫu số 05; thuyết minh nội dung đề xuất hỗ trợ	5
1.2	Có tồn tại khó khăn, vướng mắc thực tế	Chấm điểm	Có khó khăn cụ thể trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc hoặc kết nối thị trường	Nêu rõ trong Mẫu số 05; Báo cáo mô tả khó khăn tại hồ sơ đề xuất; nếu có, kèm tài liệu chứng minh (thư từ chối, yêu cầu kỹ thuật, chi phí phát sinh...)	5
1.3	Mức độ phù hợp với mục tiêu FTA	Chấm điểm	Nội dung đề xuất gắn với tận dụng FTA, nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị...	Thuyết minh theo Mẫu số 05; Thuyết minh tại hồ sơ đề xuất	5
1.4	Tính cấp thiết	Chấm điểm	Nhu cầu hỗ trợ cần thiết trong kỳ kế hoạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiêu thụ sản phẩm hoặc nâng cao năng lực HTX	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2	Khả năng hấp thụ và triển khai				20
2.1	Có kế hoạch triển khai rõ ràng	Bắt buộc, chấm điểm	Có kế hoạch thực hiện cụ thể, có lộ trình và đầu việc rõ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.2	Có nhân sự và bộ phận triển khai	Chấm điểm	Có nhân sự hoặc bộ phận phụ trách triển khai	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.3	Có khả năng bảo đảm nguồn lực đối ứng	Chấm điểm	Có nguồn lực tài chính hoặc nguồn lực khác để cùng thực hiện	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
2.4	Có khả năng duy trì kết quả	Chấm điểm	Có khả năng duy trì hiệu quả sau khi kết thúc hỗ trợ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3	Hiệu quả về kinh tế - xã hội				30
3.1	Hiệu quả doanh thu	Chấm điểm	Có hiệu quả về kết quả kinh doanh, mở rộng thị trường	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7
3.2	Hiệu quả giá trị gia tăng	Chấm điểm	Tăng giá trị sản phẩm, nâng cao chất lượng, thương hiệu	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.3	Hiệu quả tạo việc làm và thu nhập	Chấm điểm	Tạo thêm việc làm hoặc tăng thu nhập	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3.4	Hiệu quả tăng cường liên kết chuỗi	Chấm điểm	Tăng liên kết với doanh nghiệp/hợp tác xã khác	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.5	Khả năng lan tỏa	Chấm điểm	Có khả năng nhân rộng, áp dụng cho chủ thể khác	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
4	Cam kết thực hiện, báo cáo và tuân thủ				30
4.1	Cam kết kết quả (KPI)	Chấm điểm	Có cam kết cụ thể về đầu ra, kết quả	Thuyết minh theo Mẫu số 05	10
4.2	Cam kết sử dụng đúng mục đích	Bắt buộc, chấm điểm	Sử dụng hỗ trợ đúng nội dung	Thuyết minh theo Mẫu số 05	8
4.3	Cam kết báo cáo và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện báo cáo, kiểm tra	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7
4.4	Cam kết hoàn trả khi vi phạm	Bắt buộc, chấm điểm	Hoàn trả nếu sai phạm	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5

3. Tiêu chí dành cho hộ kinh doanh

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
1	Mức độ cần thiết phải hỗ trợ				20
1.1	Có đề xuất hỗ trợ cụ thể	Bắt buộc, chấm điểm	Có đề xuất hỗ trợ rõ ràng, phù hợp với quy mô và hoạt động của hộ kinh doanh	Hồ sơ đề xuất theo Mẫu số 05; thuyết minh nội dung đề xuất hỗ trợ	5
1.2	Có tồn tại khó khăn, vướng mắc thực tế	Chấm điểm	Có khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, mở rộng đầu ra, đáp ứng yêu cầu thị trường	Nêu rõ trong Mẫu số 05; nếu có, kèm xác nhận của đối tác hoặc minh chứng giao dịch	5
1.3	Mức độ phù hợp với mục tiêu FTA	Chấm điểm	Nội dung hỗ trợ gắn với việc tham gia chuỗi cung ứng hoặc cung cấp sản phẩm cho doanh nghiệp tận dụng FTA	Thuyết minh theo Mẫu số 05; Thuyết minh tại hồ sơ đề xuất	5
1.4	Tính cấp thiết	Chấm điểm	Nhu cầu hỗ trợ cấp thiết, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2	Khả năng hấp thụ và triển khai				20
2.1	Có kế hoạch triển khai rõ ràng	Bắt buộc, chấm điểm	Có phương án thực hiện cụ thể, phù hợp với quy mô hộ kinh doanh	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.2	Có nhân sự và bộ phận triển khai	Chấm điểm	Có người trực tiếp triển khai hoạt động hỗ trợ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
2.3	Có khả năng bảo đảm nguồn lực đối ứng	Chấm điểm	Có khả năng bố trí nguồn lực phù hợp (tài chính, công sức)	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5

STT	Tiêu chí	Loại	Mô tả	Hồ sơ, tài liệu chứng minh	Điểm
2.4	Có khả năng duy trì kết quả	Chấm điểm	Có khả năng duy trì hiệu quả sau khi kết thúc hỗ trợ	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3	Hiệu quả về kinh tế - xã hội				30
3.1	Hiệu quả doanh thu	Chấm điểm	Tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm, mở rộng đầu ra	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7
3.2	Hiệu quả giá trị gia tăng	Chấm điểm	Tăng giá trị sản phẩm, nâng cao chất lượng, thương hiệu	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.3	Hiệu quả tạo việc làm và thu nhập	Chấm điểm	Tạo thêm việc làm hoặc tăng thu nhập	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5
3.4	Hiệu quả tăng cường liên kết chuỗi	Chấm điểm	Tăng liên kết với doanh nghiệp/hợp tác xã	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
3.5	Khả năng lan tỏa	Chấm điểm	Có thể áp dụng cho các hộ khác	Thuyết minh theo Mẫu số 05	6
4	Cam kết thực hiện, báo cáo và tuân thủ				30
4.1	Cam kết kết quả (KPI)	Chấm điểm	Có cam kết cụ thể về đầu ra, kết quả	Thuyết minh theo Mẫu số 05	10
4.2	Cam kết sử dụng đúng mục đích	Bắt buộc, chấm điểm	Sử dụng hỗ trợ đúng nội dung	Thuyết minh theo Mẫu số 05	8
4.3	Cam kết báo cáo và hậu kiểm	Bắt buộc, chấm điểm	Thực hiện báo cáo, kiểm tra	Thuyết minh theo Mẫu số 05	7
4.4	Cam kết hoàn trả khi vi phạm	Bắt buộc, chấm điểm	Hoàn trả nếu sai phạm	Thuyết minh theo Mẫu số 05	5



Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 240/2026/NĐ-CP
ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phiếu đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 02	Quyết định về việc công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 03	Quyết định về việc chấm dứt tư cách thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 04	Đơn đề xuất hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 05	Đề án đề xuất hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 06	Quyết định về việc phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 07	Đơn đề nghị điều chỉnh hoặc dừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 08	Quyết định về việc điều chỉnh Đề án đề xuất hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 09	Quyết định về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 10	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và phân bổ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do
Mẫu số 11	Đề nghị thành lập/sửa đổi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng
Mẫu số 12	Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng
Mẫu số 13	Đề nghị chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng
Mẫu số 14	Quyết định về việc hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng
Mẫu số 15	Báo cáo hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng
Mẫu số 16	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng



TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA HỆ SINH THÁI
TẬN DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

I. THÔNG TIN CHỦ THẺ ĐĂNG KÝ**1. Loại hình chủ thể:**

- ☐ Doanh nghiệp
☐ Hợp tác xã
☐ Hộ kinh doanh

2. Tên chủ thể:**3. Mã số doanh nghiệp/Đăng ký hợp tác xã/Đăng ký hộ kinh doanh:****4. Địa chỉ trụ sở chính:****5. Người đại diện theo pháp luật/chủ hộ kinh doanh:**

- Họ và tên:
 • Chức vụ:
 • Điện thoại:
 • Email:

6. Lĩnh vực hoạt động chính:

- ☐ Nông nghiệp
☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
☐ Thương mại
☐ Logistics
☐ Dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu
☐ Công nghệ số
☐ Khác...

7. Sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ chính:**7.1. Nhóm sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ chính**

- ☐ Nông sản tươi
☐ Nông sản chế biến

- ☐ Thủy sản
- ☐ Thực phẩm chế biến
- ☐ Đồ gỗ, nội thất
- ☐ Dệt may
- ☐ Da giày
- ☐ Điện tử, linh kiện
- ☐ Cơ khí, thiết bị công nghiệp
- ☐ Hóa chất, vật liệu đầu vào
- ☐ Bao bì, đóng gói
- ☐ Thương mại phân phối
- ☐ Logistics, kho vận
- ☐ Thương mại điện tử
- ☐ Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ xuất khẩu
- ☐ Dịch vụ kiểm định, chứng nhận
- ☐ Dịch vụ tài chính, bảo hiểm thương mại
- ☐ Du lịch, dịch vụ quốc tế
- ☐ Sản phẩm OCOP/đặc sản địa phương
- ☐ Sản phẩm thủ công mỹ nghệ
- ☐ Khác:

7.2. Sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ cụ thể chủ lực

Liệt kê tối đa 03 sản phẩm/dịch vụ chủ lực:

1.
2.
3.

7.3. Vai trò trong chuỗi giá trị

(Chọn một hoặc nhiều phương án)

- ☐ Sản xuất nguyên liệu đầu vào
- ☐ Sơ chế
- ☐ Chế biến
- ☐ Gia công
- ☐ Cung ứng linh kiện/bán thành phẩm
- ☐ Phân phối/thương mại
- ☐ Xuất khẩu trực tiếp
- ☐ Cung ứng dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu
- ☐ Khác:

II. BẢN MÔ TẢ CHỦ THỂ VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN FTA

1. Tình trạng pháp lý và tuân thủ pháp luật

1.1. Tình trạng hoạt động

- ☐ Đang hoạt động bình thường
- ☐ Tạm ngừng một phần
- ☐ Khác:

1.2. Tình trạng thực hiện nghĩa vụ pháp lý cơ bản:

- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hiểm xã hội (nếu thuộc diện áp dụng)
- ☐ Không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc
- ☐ Không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật nghiêm trọng đang bị xử lý
- ☐ Khác:

2. Năng lực hoạt động**2.1. Trong 12 tháng gần nhất, chủ thể có hoạt động**

- ☐ Sản xuất
- ☐ Chế biến
- ☐ Mua bán hàng hóa
- ☐ Cung ứng dịch vụ
- ☐ Cung ứng cho doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu
- ☐ Xuất khẩu trực tiếp
- ☐ Khác:

2.2. Năng lực hiện có

- ☐ Có cơ sở sản xuất/chế biến
- ☐ Có vùng nguyên liệu hoặc mạng lưới cung ứng
- ☐ Có kho bãi/logistics
- ☐ Có hệ thống phân phối/tiêu thụ
- ☐ Có liên kết với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu
- ☐ Có chứng nhận chất lượng/tiêu chuẩn
- ☐ Khác:

2.3. Mô tả ngắn gọn năng lực hiện có

(Không quá 300 từ)

.....

.....

.....

3. Mức độ liên quan đến FTA

3.1. Hiện trạng tham gia

- ☐ Đang xuất khẩu trực tiếp
- ☐ Bán hàng cho doanh nghiệp xuất khẩu
- ☐ Có kế hoạch xuất khẩu trong 24 tháng tới
- ☐ Có khả năng tham gia chuỗi cung ứng phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu
- ☐ Chưa tham gia nhưng có tiềm năng

3.2. Thị trường FTA liên quan

(Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ CPTPP
- ☐ EVFTA
- ☐ UKVFTA
- ☐ RCEP
- ☐ ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA)
- ☐ ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)
- ☐ ASEAN – Nhật Bản (AJFTA)
- ☐ ASEAN – Ôt-x-trây-li-a và Niu Di-lân (ANZFTA)
- ☐ ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)
- ☐ ASEAN – Ấn Độ (AIFTA)
- ☐ Các FTA song phương khác
- ☐ Chưa xác định cụ thể

3.3. Nội dung FTA chủ thể quan tâm

- ☐ Tiếp cận thị trường
- ☐ Thuế quan ưu đãi
- ☐ Quy tắc xuất xứ
- ☐ SPS/TBT/tiêu chuẩn kỹ thuật
- ☐ Thủ tục hải quan/thuận lợi hóa thương mại
- ☐ Logistics/chuỗi cung ứng
- ☐ Chuyển đổi xanh/phát triển bền vững
- ☐ Chuyển đổi số/thương mại điện tử

- ☐ Phòng vệ thương mại
- ☐ Xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng
- ☐ Tham gia chuỗi cung ứng
- ☐ Khác:

3.4. Mức độ sử dụng công cụ FTA hiện nay

- ☐ Đã sử dụng ưu đãi thuế quan theo FTA
- ☐ Đã từng xin C/O ưu đãi
- ☐ Đã tìm hiểu nhưng chưa áp dụng được
- ☐ Chưa tiếp cận thông tin về FTA
- ☐ Đang tham gia chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp tận dụng FTA
- ☐ Khác:

4. Mức độ sẵn sàng tham gia Hệ sinh thái

Chúng tôi đăng ký tham gia và cam kết:

- ☐ Cập nhật thông tin định kỳ theo yêu cầu.
- ☐ Tham gia các hoạt động kết nối, đào tạo, xúc tiến thương mại... do Hệ sinh thái tổ chức.
- ☐ Sẵn sàng hợp tác, liên kết với các chủ thể khác trong Hệ sinh thái.
- ☐ Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ rà soát, đánh giá, hậu kiểm.
- ☐ Tuân thủ nội quy, quy chế quản lý và vận hành Hệ sinh thái.
- ☐ Không lợi dụng tư cách Thành viên để trục lợi chính sách.
- ☐ Cam kết chấp hành biện pháp nhắc nhở, đình chỉ, thu hồi ưu đãi hoặc chấm dứt tư cách thành viên nếu vi phạm.

III. TÀI LIỆU CHỨNG MINH KÈM THEO

Chủ thể gửi kèm tối đa 01 - 03 tài liệu minh chứng, thuộc một hoặc nhiều nhóm sau:

- ☐ Hợp đồng/đơn hàng/hóa đơn/chứng từ giao dịch;
- ☐ Tờ khai hải quan/chứng từ xuất khẩu;
- ☐ Chứng nhận chất lượng/tiêu chuẩn;
- ☐ Tài liệu chứng minh năng lực sản xuất, chế biến, cung ứng;
- ☐ Xác nhận của đối tác/đơn vị liên kết;
- ☐ Tài liệu khác:

Danh mục tài liệu gửi kèm:

1.
2.
3.

IV. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết:

1. Nội dung kê khai trong Phiếu đăng ký là trung thực, đầy đủ và chính xác.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã kê khai.
3. Trường hợp vi phạm quy định của Nghị định hoặc cung cấp thông tin sai lệch, chấp nhận bị đình chỉ hoặc thu hồi tư cách thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do theo quy định.

Kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét công nhận chúng tôi là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do.

..., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BCT

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận thành viên Hệ sinh thái
tận dụng các Hiệp định thương mại tự do****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG***Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 2026 về ;**Căn cứ Hồ sơ đăng ký tham gia Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do của ... (tên chủ thể);**Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký thành viên:**Xét đề nghị của ... (đơn vị đầu mối quản lý Hệ sinh thái ...).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Công nhận thành viên**

Công nhận:

- Tên chủ thể:
- Mã số thành viên trong Hệ sinh thái tận dụng các FTA:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số đăng ký hợp tác xã/đăng ký hộ kinh doanh:
- Địa chỉ:
- Loại hình: ☐ Doanh nghiệp ☐ Hợp tác xã ☐ Hộ kinh doanh
- Người đại diện theo pháp luật:

Là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do, kể từ ngày ký Quyết định này.

Mã số thành viên Hệ sinh thái:.....

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

Thành viên có quyền và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP và Quy chế quản lý, vận hành Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do.

Điều 3. Hiệu lực và thời hạn

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tư cách thành viên có hiệu lực trong thời hạn ... năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực (trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định).

3. Quyết định này được lập thành 03 bản, trong đó 01 bản cấp cho doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh, 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố 01 bản lưu tại Bộ Công Thương.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng/Cục trưởng ..., chủ thể được phê duyệt tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- ...

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BCT

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấm dứt tư cách thành viên Hệ sinh thái
tận dụng các Hiệp định thương mại tự do****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 2026 quy định chi tiết ;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BCT ngày ... tháng ... năm ... về việc công nhận thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do đối với;

Xét kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ thành viên;

Xét đề nghị của ... (đơn vị đầu mối quản lý Hệ sinh thái).

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Chấm dứt tư cách thành viên chính thức**

Chấm dứt tư cách thành viên Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do kể từ ngày.....tháng.....năm..... đối với:

Tên chủ thể:

Mã số thành viên:.....

Lý do chấm dứt:

.....

.....

Điều 2. Hệ quả pháp lý

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, chủ thể quy định tại Điều 1:

- Không còn quyền và nghĩa vụ của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA;

- Không được hưởng các cơ chế hỗ trợ, ưu tiên trong khuôn khổ Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

2. Trường hợp có nhu cầu tham gia lại, chủ thể phải thực hiện đăng ký lại theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

- Cập nhật tình trạng thành viên trong hệ thống quản lý;
- Thông báo tới các đơn vị liên quan.

2. Chủ thể bị chấm dứt tư cách thành viên có trách nhiệm:

- Chấm dứt việc sử dụng danh nghĩa thành viên Hệ sinh thái;
- Thực hiện các nghĩa vụ liên quan (nếu còn tồn đọng).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng/Cục trưởng ... , chủ thể được nêu tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- ...

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ
CỦA THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định, chúng tôi đề nghị được xem xét hưởng hỗ trợ với nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên thành viên Hệ sinh thái:**

.....

2. Mã số thành viên Hệ sinh thái/Số Quyết định công nhận:

.....

3. Loại hình chủ thể☐ Doanh nghiệp☐ Hợp tác xã☐ Hộ kinh doanh**4. Người đại diện/đầu mối liên hệ**

Họ và tên:

Chức vụ (nếu có):

Điện thoại:

Email:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**1. Nhóm cơ chế hỗ trợ đề nghị***(Có thể chọn tối đa 3 biện pháp hỗ trợ)***A. Cơ chế tạo thuận lợi về thủ tục hành chính**☐ Hỗ trợ về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa/ưu tiên xử lý hồ sơ cấp C/O

☐ Hỗ trợ tạo thuận lợi trong thông quan, hậu kiểm, kiểm tra chuyên ngành và tạo thuận lợi thủ tục hành chính

☐ Nội dung khác thuộc nhóm tạo thuận lợi thủ tục hành chính

B. Cơ chế hỗ trợ cải tiến, nâng cao năng lực

☐ Tư vấn cải tiến quy trình kinh doanh, quản trị, sản xuất hoặc công nghệ

☐ Thuê/mua giải pháp cải tiến quy trình kinh doanh, quản trị, sản xuất hoặc công nghệ

☐ Tư vấn xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, chuỗi giá trị gắn với tận dụng FTA

☐ Thuê/mua giải pháp truy xuất nguồn gốc, xây dựng chuỗi giá trị

☐ Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ

☐ Tư vấn chuyển giao công nghệ

☐ Nội dung khác thuộc nhóm cải tiến, nâng cao năng lực

C. Cơ chế hỗ trợ nguồn nhân lực

☐ Đào tạo về quản trị, sản xuất kinh doanh, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh

☐ Đào tạo về quy tắc xuất xứ, xây dựng chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc

☐ Đào tạo về tận dụng FTA, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn phát triển bền vững của thị trường FTA

☐ Nội dung khác thuộc nhóm hỗ trợ nguồn nhân lực

D. Cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

☐ Tư vấn đánh giá toàn diện năng lực

☐ Tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu để tham gia chuỗi cung ứng/trở thành nhà cung cấp

☐ Nội dung khác thuộc nhóm liên kết sản xuất và kinh doanh

Đ. Cơ chế hỗ trợ kết nối và mở rộng thị trường

☐ Tư vấn đăng ký tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên sàn thương mại điện tử quốc tế

☐ Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên sàn thương mại điện tử trong nước/quốc tế

☐ Tư vấn xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

☐ Tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu

☐ Tư vấn mở rộng hoạt động kinh doanh, đấu thầu, đầu tư ở nước ngoài hoặc chuyển giao công nghệ

☐ Nội dung khác thuộc nhóm kết nối và mở rộng thị trường

E. Cơ chế hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

☐ Hỗ trợ thử nghiệm/kiểm định/giám định/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa

☐ Hỗ trợ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng

☐ Hỗ trợ nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

☐ Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ

☐ Nội dung khác thuộc nhóm hỗ trợ kỹ thuật

G. Cơ chế hỗ trợ lãi suất

☐ Hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung và dài hạn thực hiện phương án/dự án sản xuất - kinh doanh gắn với tận dụng FTA.

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ ưu tiên

(Chỉ chọn 01 nội dung chính để làm căn cứ xem xét ưu tiên phê duyệt)

.....

3. Mô tả ngắn gọn nội dung đề nghị hỗ trợ

.....

.....

.....

III. SỰ CẦN THIẾT CỦA HỖ TRỢ

1. Khó khăn, vướng mắc hiện nay

☐ Hạn chế về năng lực quản trị/vận hành

☐ Hạn chế về quy trình sản xuất/công nghệ

☐ Hạn chế về truy xuất nguồn gốc/chuỗi giá trị

☐ Hạn chế về tiêu chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn phát triển bền vững

☐ Hạn chế về năng lực liên kết chuỗi cung ứng

☐ Hạn chế trong kết nối thị trường/thương mại điện tử

☐ Hạn chế về nguồn nhân lực

☐ Hạn chế về vốn/tiếp cận tín dụng

☐ Khó khăn khác:

2. Tính cấp thiết

- ☐ Cần triển khai ngay trong năm kế hoạch
- ☐ Cần triển khai trong 12 tháng tới
- ☐ Có thể triển khai trong trung hạn

Lý do:.....

IV. KHẢ NĂNG TRIỂN KHAI VÀ HẤP THỤ

1. Nguồn lực hiện có

- ☐ Có nhân sự phụ trách
- ☐ Có nguồn lực đối ứng
- ☐ Có cơ sở vật chất/hạ tầng triển khai
- ☐ Có đối tác phối hợp
- ☐ Có kinh nghiệm triển khai hoạt động tương tự

2. Khả năng áp dụng kết quả hỗ trợ

- ☐ Áp dụng trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh
- ☐ Áp dụng để nâng cao năng lực quản trị
- ☐ Áp dụng để đáp ứng tiêu chuẩn thị trường FTA
- ☐ Áp dụng để tăng cường liên kết chuỗi giá trị
- ☐ Áp dụng để mở rộng thị trường
- ☐ Áp dụng cho chuyển đổi số/chuyển đổi xanh

V. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN VÀ KHẢ NĂNG LAN TỎA

1. Hiệu quả dự kiến

- ☐ Nâng cao năng lực tận dụng FTA
- ☐ Nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ
- ☐ Cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh
- ☐ Tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng
- ☐ Tăng khả năng tiếp cận thị trường
- ☐ Nâng cao năng lực cạnh tranh
- ☐ Góp phần chuyển đổi xanh/chuyển đổi số

2. Phạm vi hưởng lợi dự kiến

- ☐ Chỉ cho chính chủ thể
- ☐ Cho thành viên liên kết/thành viên hợp tác xã
- ☐ Cho chuỗi cung ứng/cụm liên kết ngành

☐ Cho cộng đồng doanh nghiệp địa phương

☐ Cho ngành hàng

3. Khả năng lan tỏa

☐ Có thể chia sẻ mô hình/kinh nghiệm

☐ Có thể kết nối thêm thành viên vào Hệ sinh thái

☐ Có thể nhân rộng tại địa phương

☐ Có thể tạo chuỗi liên kết mới

4. Mô tả ngắn gọn hiệu quả kỳ vọng

(Mô tả ngắn gọn không quá 300 từ)

.....

.....

.....

VI. KÊ KHAI HỖ TRỢ ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC HƯỞNG

☐ Chưa hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nội dung đề xuất này

☐ Đã/đang hưởng hỗ trợ khác, cụ thể:

Kê khai đầy đủ các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước mà doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh đã và đang được hưởng trong vòng 5 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ:

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Cơ quan hỗ trợ	Hình thức hỗ trợ ²	Giá trị hỗ trợ (VNĐ)	Thời gian hỗ trợ	Tình trạng hiện hành (Đã kết thúc/Đang thực hiện)	Nội dung hỗ trợ	Ghi chú

☐ Nội dung đề nghị hỗ trợ theo Nghị định này là phần bổ sung/nâng cao/chuyên biệt gắn với tận dụng FTA, không trùng lặp về mục tiêu và nội dung.

VII. KINH PHÍ DỰ KIẾN

1. Tổng kinh phí thực hiện: đồng

2. Mức hỗ trợ đề nghị: đồng

3. Phần nguồn lực đối ứng của chủ thể: đồng

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

- ☐ Đề án đề xuất hỗ trợ (Mẫu số 05)
- ☐ Tài liệu minh chứng liên quan (nếu có)

IX. CAM KẾT

(Tên đơn vị đề xuất) cam kết các nội dung sau:

1. Thông tin kê khai là đầy đủ, trung thực và chính xác.
2. Không trùng lặp, chồng chéo trong việc đề nghị hưởng các cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai.
4. Trường hợp phát hiện kê khai không trung thực, đồng ý bị thu hồi hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật.

Kính đề nghị tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ,
HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-
1. Đơn vị chủ trì thực hiện gửi hồ sơ bản cứng, đồng thời gửi bản mềm đến địa chỉ: ...
 2. Phân loại hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ tài chính trực tiếp (trợ cấp, tài trợ, cấp vốn); hỗ trợ thuế, phí, lệ phí; hỗ trợ tín dụng, bảo lãnh vay vốn; hỗ trợ đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại; hỗ trợ hạ tầng, mặt bằng; hỗ trợ khác (ghi rõ).

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT*(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm...***ĐỀ ÁN ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CỦA THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI
TẬN DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**1. Tên chủ thể thực hiện Đề án**

.....

2. Mã số thành viên Hệ sinh thái:

.....

3. Tên Đề án:

.....

.....

4. Thời gian thực hiện:☐ Dưới 06 tháng☐ Từ 06 - 12 tháng☐ Từ 12 - 24 tháng☐ Trên 24 tháng

Thời gian dự kiến: từ/..... đến/.....

5. Địa bàn thực hiện

.....

6. Nhóm cơ chế hỗ trợ đề nghị*(Ghi theo Mẫu số 04 - chọn nội dung chính đề nghị hỗ trợ)***II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ****1. Hiện trạng hoạt động của chủ thể**

Mô tả:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại;
- Vị trí trong chuỗi giá trị;

- Thị trường đang tham gia;
- Mức độ liên quan đến tận dụng FTA.

2. Khó khăn, vướng mắc hoặc điểm nghẽn

Phân tích cụ thể các nội dung sau:

- Quản trị
- Công nghệ
- Truy xuất nguồn gốc
- Tiêu chuẩn kỹ thuật
- Liên kết chuỗi
- Tiếp cận thị trường
- Nguồn nhân lực
- Vốn/tài chính
- Khác

3. Sự cần thiết phải được hỗ trợ

Làm rõ:

Vì sao cần hỗ trợ;

Nếu không được hỗ trợ thì hạn chế gì;

Vì sao nội dung hỗ trợ phù hợp.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI

1. Mục tiêu của đề án

(Nêu rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể như nâng cao năng lực quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường FTA, nâng cao năng lực liên kết chuỗi...)

2. Kế hoạch triển khai cụ thể

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực triển khai

3. Khả năng duy trì sau hỗ trợ

Sau khi kết thúc hỗ trợ, chủ thể dự kiến:

- ☐ Tiếp tục duy trì hoạt động
- ☐ Tự vận hành độc lập
- ☐ Mở rộng quy mô áp dụng
- ☐ Hình thành mô hình liên kết mới
- ☐ Khác

Mô tả:

.....

.....

IV. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN VÀ KHẢ NĂNG LAN TỎA

1. Hiệu quả trực tiếp đối với chủ thể

(Phân tích hiệu quả của hỗ trợ đối với chủ thể qua các khía cạnh như nâng cao năng lực tận dụng FTA, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ, cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng khả năng tiếp cận thị trường....)

2. Phạm vi hưởng lợi

(Phân tích phạm vi hưởng lợi từ hỗ trợ: có tác động trực tiếp tới chủ thể, tới doanh nghiệp hoặc tổ chức liên kết, doanh nghiệp hay chủ thể trong chuỗi cung ứng, cộng đồng doanh nghiệp địa phương, ngành hàng kinh doanh...)

3. Khả năng lan tỏa

(Phân tích khả năng lan tỏa ở các khía cạnh như chia sẻ nhân rộng mô hình, nhân rộng tại địa phương, kết nối thêm thành viên Hệ sinh thái, hình thành chuỗi liên kết mới...)

4. Tác động tới phát triển bền vững

(Đánh giá tác động tới các khía cạnh như chuyển đổi xanh, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập...)

V. KINH PHÍ VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí dự kiến (đồng)	Mức đề nghị hỗ trợ (đồng)	Nguồn lực đối ứng
Nội dung 1			
Nội dung 2			
Nội dung 3			

VI. ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT

Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của chương trình. Trong từng tình huống, nêu ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro.

VII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Chúng tôi cam kết:

- Triển khai đầy đủ nội dung đề án nếu được phê duyệt;
- Sử dụng hỗ trợ đúng mục đích;
- Chủ động áp dụng kết quả hỗ trợ vào hoạt động thực tế phù hợp với điều kiện của đơn vị;
- Chấp hành chế độ báo cáo, giám sát, hậu kiểm;
- Hoàn trả kinh phí hỗ trợ theo quy định nếu vi phạm.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP,
HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ của thành viên
Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định.....;

Căn cứ Phiếu đề nghị hưởng cơ chế hỗ trợ ngày của;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề xuất của Sở tại Tờ trình số ngày;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ

1. Phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ thuộc Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do đối với:

- Tên chủ thể:

- Loại hình: ☐ Doanh nghiệp ☐ Hợp tác xã ☐ Hộ kinh doanh

- Mã số thành viên Hệ sinh thái:

- Địa chỉ:

2. Tên đề án/nội dung hỗ trợ được phê duyệt:

.....

3. Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Điều 2. Nội dung hỗ trợ, hình thức hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ được phê duyệt

STT	Nội dung hỗ trợ	Hình thức hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Cơ quan/đơn vị phối hợp thực hiện
1				
2				

2. Việc triển khai nội dung hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ thể được hỗ trợ

- Triển khai đầy đủ nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt theo đúng tiến độ và mục tiêu đề án.
- Sử dụng nguồn lực hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung, bảo đảm hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan.
- Chủ động bố trí đầy đủ phân nguồn lực đối ứng và phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện.
- Chủ động áp dụng kết quả hỗ trợ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc hoạt động nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm.
- Hoàn trả một phần hoặc toàn bộ giá trị hỗ trợ và chịu xử lý theo quy định của Nghị định trong trường hợp vi phạm.

Điều 4. Trách nhiệm của (đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao là đầu mối triển khai Hệ sinh thái)

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tổ chức triển khai Quyết định này.
2. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt.
3. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện, tổ chức hậu kiểm và tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo quy định.
4. Trường hợp phát hiện chủ thể được hỗ trợ vi phạm hoặc việc triển khai không bảo đảm mục tiêu, tiến độ, hiệu quả hoặc không còn phù hợp với điều kiện thực tế, chủ trì rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt hoặc thu hồi hỗ trợ theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Sở Tài chính chủ trì hoặc phối hợp tham mưu bố trí, hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn lực hỗ trợ theo quy định của pháp luật.
2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với sở (đầu mối triển khai Hệ sinh thái) trong việc hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ được phê duyệt.
3. Ủy ban nhân dân cấp phường/xã (nếu có liên quan) có trách nhiệm phối hợp theo dõi, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai nội dung hỗ trợ tại địa bàn.

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và xử lý vi phạm

1. Việc thực hiện hỗ trợ theo Quyết định này chịu sự kiểm tra, giám sát, đánh giá và hậu kiểm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Nghị định và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp phát hiện chủ thể được hỗ trợ cung cấp thông tin sai lệch; sử dụng hỗ trợ sai mục đích; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung đã được phê duyệt; hoặc vi phạm quy định của pháp luật hoặc quy định của Nghị định; thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt hỗ trợ, thu hồi giá trị hỗ trợ, thu hồi tư cách thành viên Hệ sinh thái hoặc xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp/hợp tác xã/Hộ kinh doanh, 02 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố 01 bản lưu tại Bộ Công Thương và 01 bản lưu tại đơn vị vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, Giám đốc Sở (đơn vị đầu mối triển khai Hệ sinh thái), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan và chủ thể được hỗ trợ quy định tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Chức danh, ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HOẶC DỪNG THỰC HIỆN ĐỀ XUẤT
HỖ TRỢ CỦA THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG
CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

1. Thông tin chủ thể

- Tên:
- Mã số thành viên:
- Quyết định phê duyệt hỗ trợ số:

2. Nội dung đề nghị

- ☐ Điều chỉnh nội dung hỗ trợ
- ☐ Điều chỉnh tiến độ thực hiện
- ☐ Điều chỉnh mức hỗ trợ theo hướng giảm
- ☐ Dừng tiếp nhận hỗ trợ
- ☐ Khác

3. Lý do

.....

.....

.....

Kính đề nghị tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ,
HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Đề án đề xuất hỗ trợ của thành viên Hệ sinh thái
tận dụng các Hiệp định thương mại tự do**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày;

*Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ
quy định*;

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày của Chủ tịch Ủy ban
nhân dân tỉnh/thành phố..... về việc phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ đối với
.....*;

*Căn cứ Đơn đề nghị điều chỉnh/dừng thực hiện đề xuất hỗ trợ ngày
của*;

*Căn cứ kết quả rà soát, thẩm định và đề xuất của Sở..... (đơn vị đầu mối
triển khai) tại Tờ trình số ngày*;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh đề xuất hỗ trợ đối với:

Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày
..... về việc phê duyệt đề xuất hưởng hỗ trợ đối với:

- Tên chủ thể:

- Loại hình: ☐ Doanh nghiệp ☐ Hợp tác xã ☐ Hộ kinh doanh

- Mã số thành viên Hệ sinh thái:

- Tên đề án:

Điều 2. Nội dung điều chỉnh:

STT	Nội dung được phê duyệt	Nội dung điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1			
2			

Ghi chú:

Các nội dung điều chỉnh có thể bao gồm:

- ☐ Điều chỉnh nội dung hỗ trợ;
- ☐ Điều chỉnh phương thức thực hiện;
- ☐ Điều chỉnh tiến độ thực hiện;
- ☐ Điều chỉnh mức hỗ trợ theo hướng giảm;
- ☐ Điều chỉnh cơ cấu nguồn lực thực hiện;
- ☐ Điều chỉnh cơ quan/đơn vị phối hợp thực hiện;
- ☐ Nội dung điều chỉnh khác:

Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh

1. Việc điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu tổng thể của đề án đã được phê duyệt, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc điều chỉnh không làm tăng tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn lực hỗ trợ đã được phê duyệt, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Việc điều chỉnh phải bảo đảm đúng quy định của Nghị định, phù hợp với điều kiện thực tế và nâng cao hiệu quả thực hiện hỗ trợ.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ thể được hỗ trợ

1. Triển khai thực hiện đầy đủ nội dung điều chỉnh theo Quyết định này.
2. Tiếp tục sử dụng nguồn lực hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung và bảo đảm hiệu quả.
3. Chấp hành chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát và hậu kiểm theo quy định.
4. Trường hợp vi phạm, tùy tính chất và mức độ sẽ bị xem xét tạm dừng, chấm dứt hoặc thu hồi hỗ trợ theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở..... (đơn vị đầu mối triển khai Hệ sinh thái) chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung điều chỉnh.
2. Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp triển khai thực hiện.
3. Các tổ chức tham gia vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA có trách nhiệm phối hợp thực hiện nội dung điều chỉnh theo phân công.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các nội dung khác tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày không trái với Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

3. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp/hợp tác xã/Hộ kinh doanh, 02 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố 01 bản lưu tại Bộ Công Thương.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, Giám đốc Sở..... (đơn vị đầu mối triển khai Hệ sinh thái), Thủ trưởng các cơ quan liên quan và chủ thể được hỗ trợ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Chức danh, ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ thành viên Hệ sinh thái
tận dụng các Hiệp định thương mại tự do**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày;

*Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ
quy định*;

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày về việc phê duyệt đề
xuất hưởng hỗ trợ đối với*;

*Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, hậu kiểm/Biên bản xác minh số
ngày /Kết luận kiểm tra số ngày*;

*Xét đề nghị của Sở.....(đơn vị đầu mối triển khai Hệ sinh thái) tại Tờ
trình số ngày*;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi kinh phí hỗ trợ

1. Thu hồi kinh phí hỗ trợ đã được phê duyệt đối với:

- Tên chủ thể:
- Loại hình: ☐ Doanh nghiệp ☐ Hợp tác xã ☐ Hộ kinh doanh
- Mã số thành viên Hệ sinh thái:
- Địa chỉ:
- Quyết định phê duyệt hỗ trợ: số/QĐ-UBND ngày

2. Mức kinh phí thu hồi

STT	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí đã hỗ trợ	Mức kinh phí thu hồi	Ghi chú
1				
2				
Tổng cộng				

3. Hình thức thu hồi:

- ☐ Thu hồi toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã cấp;
- ☐ Thu hồi một phần kinh phí hỗ trợ;
- ☐ Thu hồi giá trị hỗ trợ quy đổi bằng tiền;
- ☐ Hình thức khác theo quy định của pháp luật:

Điều 2. Lý do thu hồi

Việc thu hồi kinh phí hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở một hoặc nhiều lý do sau đây:

- ☐ Cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ;
- ☐ Sử dụng kinh phí hoặc nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích;
- ☐ Không triển khai hoặc triển khai không đúng nội dung đã được phê duyệt;
- ☐ Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, giải trình, cung cấp hồ sơ phục vụ kiểm tra, giám sát, hậu kiểm;
- ☐ Vi phạm quy định của pháp luật hoặc vi phạm quy định của Nghị định;
- ☐ Lý do khác:

Mô tả cụ thể hành vi/căn cứ xác định vi phạm:

.....

.....

Điều 3. Thời hạn, phương thức và trách nhiệm hoàn trả

1. Chủ thể có trách nhiệm hoàn trả số kinh phí bị thu hồi trong thời hạn ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Việc hoàn trả được thực hiện theo hình thức:

☐ Nộp trả bằng tiền vào tài khoản ngân sách/tài khoản tiếp nhận theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

☐ Hoàn trả giá trị tương đương theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (nếu pháp luật cho phép);

☐ Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định mà không hoàn trả đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hệ quả pháp lý kèm theo (nếu có)

Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, chủ thể bị thu hồi kinh phí có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau:

- ☐ Tạm dừng hưởng hỗ trợ còn lại;
- ☐ Chấm dứt hưởng cơ chế hỗ trợ;

☐ Hạn chế xem xét hỗ trợ trong thời gian;

☐ Xem xét thu hồi tư cách thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA theo quy định;

☐ Biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc: 01 bản cấp cho doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh, 02 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố 01 bản lưu tại Bộ Công Thương.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở..... (đơn vị đầu mối triển khai Hệ sinh thái) chủ trì theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì hoặc phối hợp hướng dẫn thủ tục thu hồi, hạch toán và xử lý khoản kinh phí thu hồi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và chủ thể có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Chức danh, ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**TÊN ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số.....

Tỉnh/thành phố, ngày...tháng...năm...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ PHÂN BỐ HỖ TRỢ
CHO CÁC DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VÀ HỘ KINH DOANH
LÀ THÀNH VIÊN HỆ SINH THÁI TẬN DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO
(Năm....)

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố báo cáo Bộ Công Thương tình hình quản lý, sử dụng và phân bổ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA trong thời gian từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm... với nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình quản lý, sử dụng và phân bổ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA

Nội dung báo cáo	Số lượng thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA	Số lượng đề xuất của thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA	Tổng số ngân sách nhà nước địa phương đã hỗ trợ (triệu đồng)	Tổng số ngân sách địa phương chưa hỗ trợ (triệu đồng)
Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách				
Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách có đề án đề xuất đạt yêu cầu thẩm định và đã được hưởng hỗ trợ				
Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên hệ sinh thái tận dụng các FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách có đề án đề xuất đạt yêu cầu thẩm định nhưng chưa được hưởng hỗ trợ				

Kèm theo Danh sách Phụ lục các số liệu chi tiết nêu trên.

II. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm

III. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động

IV. Đề xuất, kiến nghị

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và phân bổ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do)

1. Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách

STT	Tên chủ thể	Mã số	Ngành nghề kinh doanh

2. Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách có đề án đề xuất đạt yêu cầu thẩm định và đã được hưởng hỗ trợ

STT	Tên chủ thể	Mã số	Tên đề xuất được duyệt	Kinh phí được duyệt (triệu đồng)

3. Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh là thành viên Hệ sinh thái tận dụng các FTA thuộc tỉnh, thành phố phụ trách có đề án đề xuất đạt yêu cầu thẩm định nhưng chưa được hưởng hỗ trợ

STT	Tên chủ thể	Mã số	Tên đề xuất được duyệt	Kinh phí cần được bố trí (triệu đồng)

TÊN HIỆP HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Địa điểm, ngày...tháng...năm...

**ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP/SỬA ĐỔI QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP
QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG**

Kính gửi:

Tên Hiệp hội (ghi bằng chữ in hoa tên đầy đủ của Hiệp hội):

.....

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Quyết định thành lập Hiệp hội):

Số, ngày Quyết định thành lập Hiệp hội:.....

Thời hạn hoạt động của Hiệp hội (nếu có):

Tỷ trọng xuất khẩu (*tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của các hội viên trên tổng doanh thu của các hội viên xác định tại thời điểm năm liền kề trước năm thành lập Quỹ*):

Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày ... tháng ... năm ... của (ghi đầy đủ tên Hiệp hội) về việc thành lập/sửa đổi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng;

(*Ghi đầy đủ tên của Hiệp hội*) đề nghị thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng/sửa đổi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng với các nội dung sau:

(*Đối với trường hợp đề nghị thành lập Quỹ: kê khai đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 5 dưới đây.*

(*Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi nội dung Quyết định thành lập Quỹ: chỉ kê khai các nội dung đề nghị sửa đổi và nội dung sau khi sửa đổi.*)

1. Tên Quỹ (ghi tên đầy đủ bằng chữ in hoa, đậm):
 Tên viết tắt (nếu có)
 2. Địa chỉ đặt trụ sở Quỹ: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, tỉnh/thành phố):.....
 3. Phạm vi hoạt động của Quỹ:
 4. Đại diện theo pháp luật của Quỹ
 Họ và tên:Ngày sinh:.....Giới tính:
 Chức vụ:
 Số thẻ Căn cước/Hộ chiếu:..... ngày cấp nơi cấp.....
 5. Nội dung hoạt động của Quỹ (những hoạt động dự kiến của Quỹ theo Điều lệ Quỹ):
- Điều lệ hoạt động của (ghi đầy đủ tên Quỹ) gửi kèm theo.
 (Tên đầy đủ của Hiệp hội) đề nghị quý cơ quan xem xét cho phép thành lập (ghi đầy đủ tên Quỹ)/sửa đổi Quyết định thành lập (ghi đầy đủ tên Quỹ)
 (Tên đầy đủ của Hiệp hội) cam kết:
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của những nội dung trên và hồ sơ kèm theo.
 - Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam về thành lập và hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA HIỆP HỘI
 (Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm: (Ghi rõ và đầy đủ văn bản, tài liệu được gửi kèm theo hồ sơ).

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG
Số:Cấp lần đầu:
(Sửa đổi lần thứ... :ngày... tháng... năm...
ngày... tháng... năm...)**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết

Xét văn bản số ... của ... (tên đầy đủ của Hiệp hội) về việc đề nghị thành lập/ sửa đổi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu (tên đầy đủ của Quỹ).

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho phép (tên đầy đủ của Hiệp hội) thành lập/sửa đổi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng:

Tên Quỹ: (ghi tên đầy đủ bằng chữ in hoa, đậm của Quỹ theo đơn đề nghị):

Tên viết tắt: (ghi theo đơn đề nghị; trường hợp không có ghi rõ “Không có”):

Điều 2. Địa chỉ đặt trụ sở Quỹ

(ghi đầy đủ theo đơn đề nghị)

Phạm vi hoạt động của Quỹ:.....

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ

Họ và tên:Ngày sinh:.....Giới tính:

Chức vụ:

Số thẻ Căn cước/Hộ chiếu:..... ngày cấp nơi cấp.....

Điều 4. Nội dung hoạt động của Quỹ

(ghi đầy đủ theo văn bản đề nghị của Hiệp hội)

.....

Hoạt động của Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

(Điều lệ hoạt động của Quỹ kèm theo)

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 02 bản gốc: 01 bản cấp cho (tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa của Hiệp hội); 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố....

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Công Thương
(Cục Xúc tiến thương mại);
- Bộ Nội vụ;
- Cơ quan quản lý ngành của Hiệp hội;
- Cục Thuế;
- Thuế tỉnh/thành phố
(tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Quỹ);
- Sở Tài chính tỉnh/thành phố
(tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Quỹ);
- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

TÊN HIỆP HỘI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Địa điểm, ngày...tháng...năm...

**ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA
QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG**

Kính gửi:

Tên Hiệp hội (ghi bằng chữ in hoa tên đầy đủ của Hiệp hội):

.....

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Quyết định thành lập):.....

Điện thoại:

Email:

Đại diện theo pháp luật (đại diện có thẩm quyền):

Họ và tên:

Chức vụ:

Căn cứ Nghị định số ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ, (ghi tên đầy đủ của Hiệp hội) đề nghị chấm dứt hoạt động của:

Quỹ (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên trên Quyết định thành lập):

.....

Tên viết tắt (nếu có):

Quyết định thành lập số: cấp ngày tháng năm

Địa chỉ trụ sở Quỹ (địa chỉ trên Quyết định thành lập):.....

Điện thoại:

Email:

Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động: ngày tháng năm

Lý do chấm dứt hoạt động:

(Tên đầy đủ của Hiệp hội) cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA HIỆP HỘI

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm: (Ghi rõ và đầy đủ văn bản, tài liệu được gửi kèm theo hồ sơ).

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hoạt động Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hoạt động/thu hồi Quyết định thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng của:

Tên Hiệp hội ngành hàng:

Địa chỉ trụ sở chính:

Tên Quỹ:

Số Quyết định thành lập:cấp ngày..... tháng năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đứng đầu Quỹ:

Điều 2. Trong thời hạn ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (Tên của Hiệp hội) phải nộp lại Quyết định thành lập Quỹ... cho Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên của Hiệp hội) phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã được quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2026 của Chính phủ

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương
(Cục Xúc tiến thương mại);
- Bộ Nội vụ;
- Cơ quan quản lý ngành của Hiệp hội;
- Cục Thuế;
- Thuế tỉnh/thành phố
(tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Quỹ);
- Sở Tài chính tỉnh/thành phố
(tên tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của Quỹ);
- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TÊN QUỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

Địa điểm, ngày...tháng...năm...

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG
(Năm....)

Kính gửi:

Tên Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng: *(ghi bằng chữ in hoa tên đầy đủ của Quỹ)*

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Quyết định thành lập):

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

Quyết định thành lập số: cấp ngày... tháng ... năm

Đại diện theo pháp luật (người đứng đầu tổ chức):

Họ và tên:

Chức vụ:

.....

Báo cáo hoạt động trong thời gian từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm... với nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình hoạt động của Quỹ

1. Báo cáo từng hoạt động theo nội dung như ghi trên Quyết định thành lập và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2. Tình hình tiếp nhận và sử dụng kinh phí của Quỹ

- Tổng kinh phí tiếp nhận trong kỳ (Tiền đóng góp, tài trợ, lãi...);
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong kỳ;
- Số dư kinh phí cuối kỳ;
- Báo cáo tài chính năm của Quỹ (nếu có).

3. Kết quả hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu

- Số lượng đơn vị được hỗ trợ;
- Các hoạt động xúc tiến xuất khẩu đã triển khai;

- Kết quả nổi bật đạt được (nếu có).

4. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm.

II. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động

III. Đề xuất, kiến nghị

(Tên đầy đủ của Quỹ) chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo trên.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA QUỸ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
QUỸ XÚC TIẾN XUẤT KHẨU NGÀNH HÀNG
NĂM...

(Từ ngày 01 tháng 01 năm đến ngày 31 tháng 12 năm)

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng, Ủy ban nhân dân (tỉnh/thành phố...) báo cáo kết quả như sau:

1. Tình hình thành lập mới Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng trong năm:, cụ thể:

STT	Tên Hiệp hội	Tên Quỹ	Số Quyết định	Địa chỉ đặt trụ sở
1				
2				
...				

2. Tình hình sửa đổi Quyết định thành lập trong năm:, cụ thể:

STT	Tên Quỹ	Số Quyết định	Nội dung sửa đổi
1			
2			
...			

3. Tình hình chấm dứt hoạt động và thu hồi Quyết định thành lập Quỹ trong năm:..., cụ thể:

STT	Tên Quỹ	Thời gian chấm dứt hoạt động	Số, ngày quyết định thu hồi Quyết định thành lập Quỹ
1			
2			
...			

4. Các trường hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động của Quỹ trong năm, cụ thể:

STT	Tên Quỹ	Nội dung thanh tra/kiểm tra	Hành vi vi phạm (nếu có)	Biện pháp xử lý
1				
2				
...				

5. Các trường hợp xử lý vi phạm của Quỹ trong năm, cụ thể:

STT	Tên Quỹ	Hành vi vi phạm (nếu có)	Biện pháp xử lý
1			
2			
...			

6. Tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí của các Quỹ trên địa bàn

- Tổng số Quỹ đang hoạt động;
- Tổng kinh phí các Quỹ huy động trong năm;
- Tổng kinh phí các Quỹ đã sử dụng trong năm.

7. Đánh giá chung về hoạt động của các Quỹ đã được thành lập

8. Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước:

- Ưu điểm:
- Tồn tại/hạn chế/khó khăn:

9. Đề xuất, kiến nghị:

- Về thủ tục hành chính:
- Về văn bản quy phạm pháp luật:
- Về tổ chức/bộ máy:
- Kiến nghị khác:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương
(Cục Xúc tiến thương mại);
-
- Lưu:

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN*(Ký và ghi rõ họ tên)***Yêu cầu:**

- Phông chữ: UNICODE, Times New Roman, Size: 13 hoặc 14.
- Thời gian tổng hợp số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo.
- Bản mềm gửi về địa chỉ xttm@vietrade.gov.vn